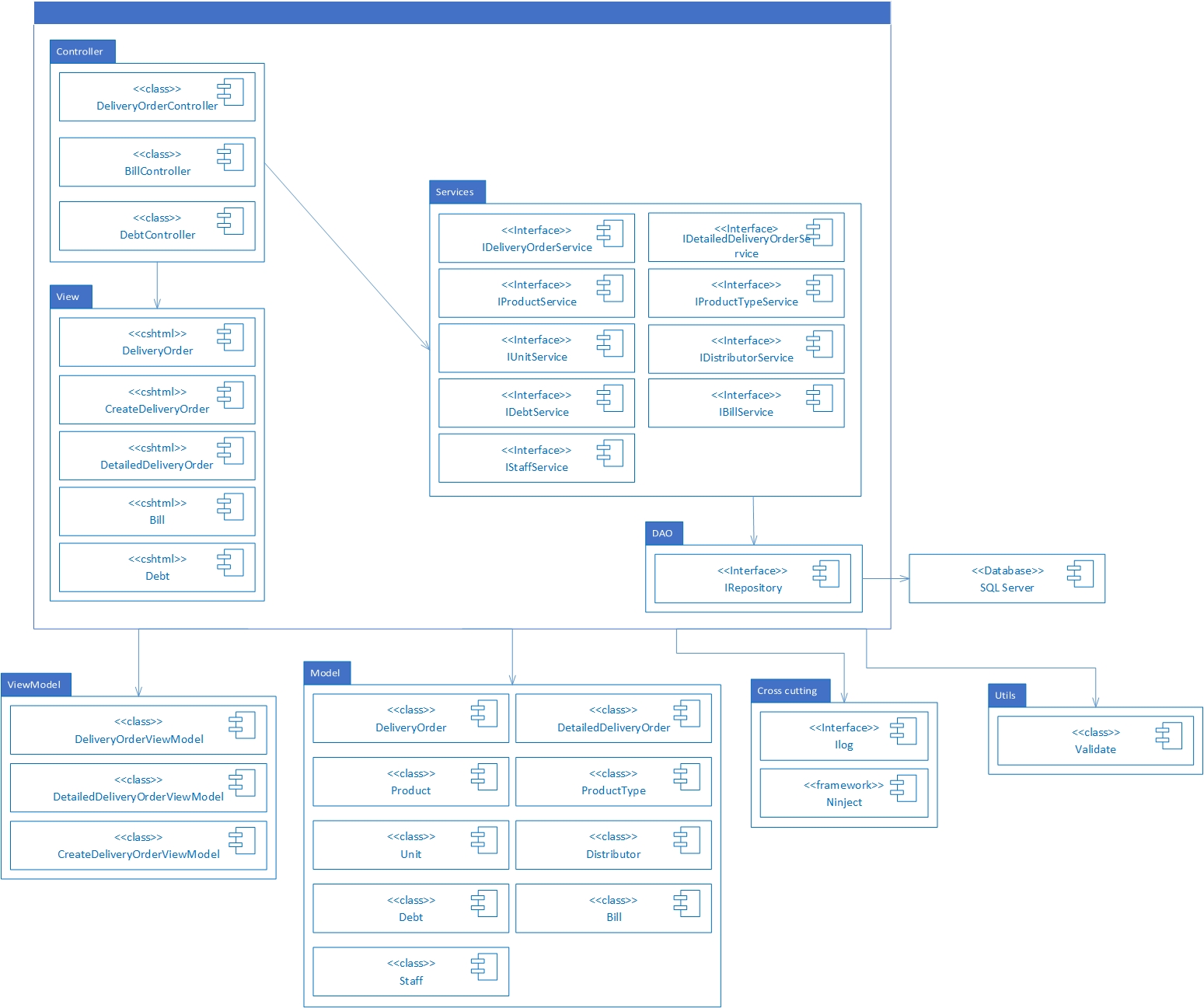
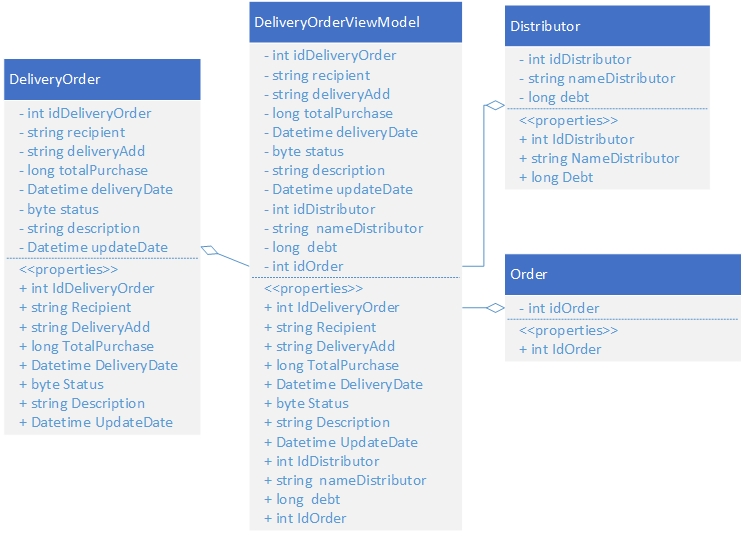
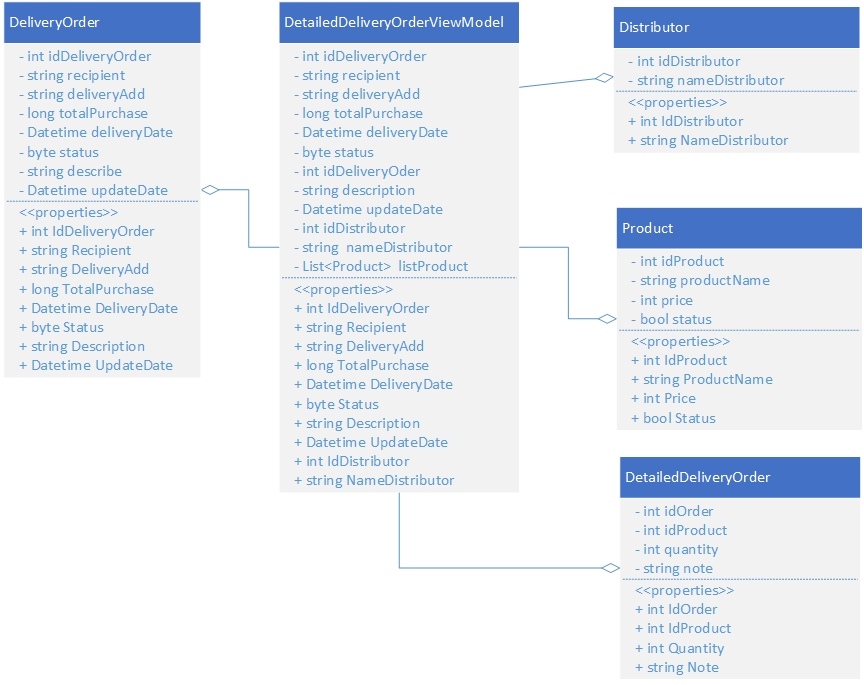
* 1. **Quản lý giao hàng**
     1. Sơ đồ lớp hệ thốn
     2. ViewModel

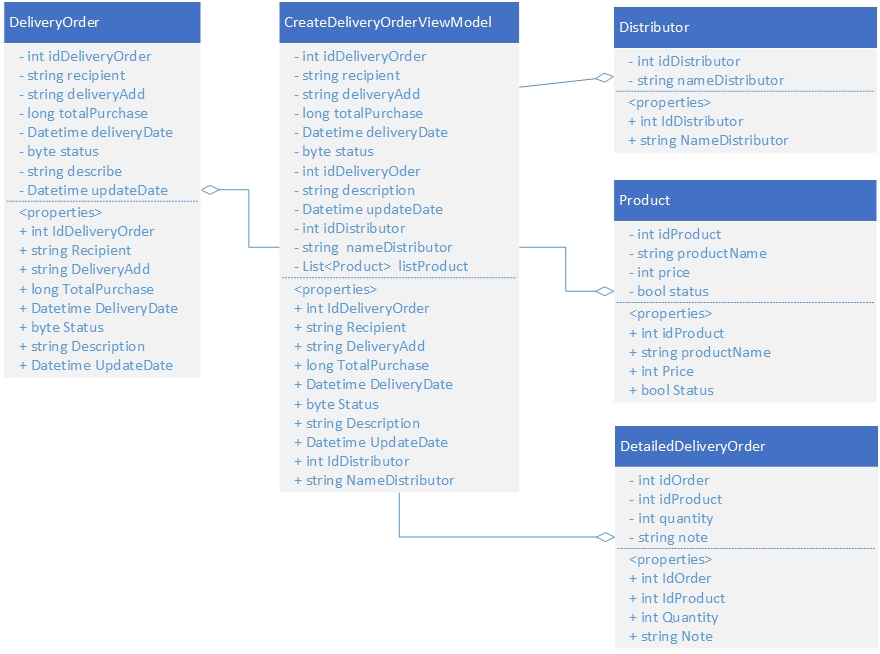
DeliveryOrderViewModel



DetailedDeliveryOderViewModel



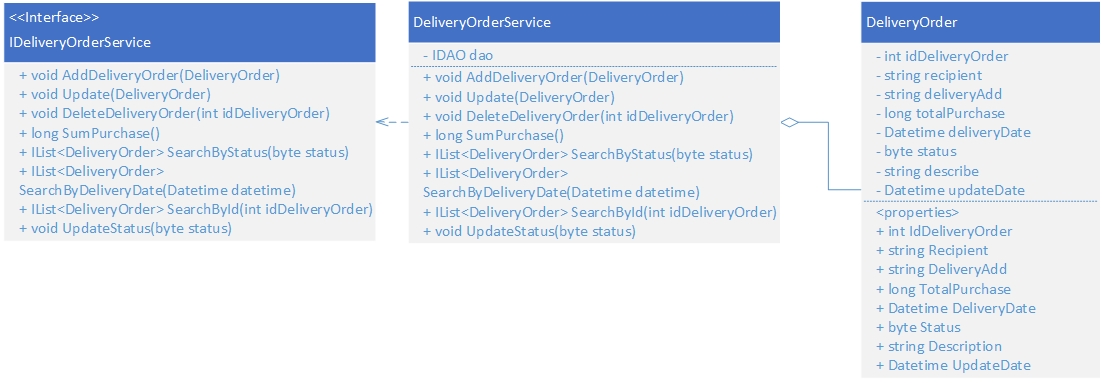
CreateDeliveryOderViewModel



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

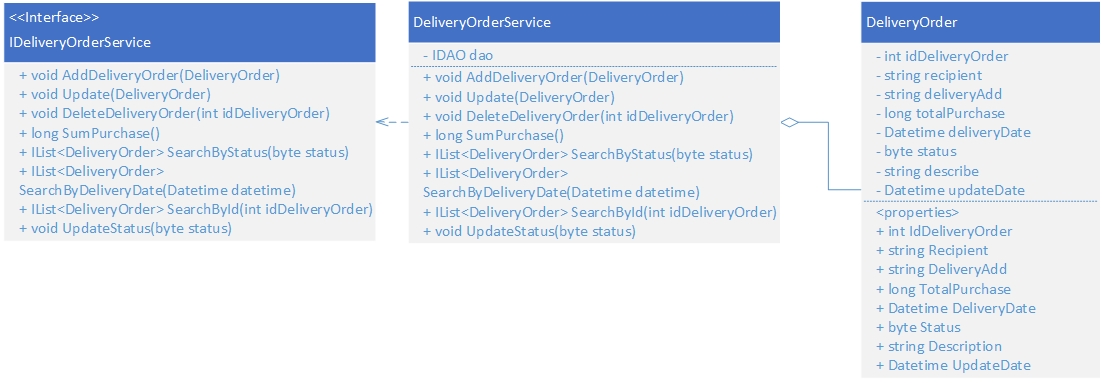
Mã số: **DCLS\_DeliveryOrder**

Thm chiếu: [FR-01] UCCN-33, UCCN-34, UCCN-35, UCCN-39, CLS\_25



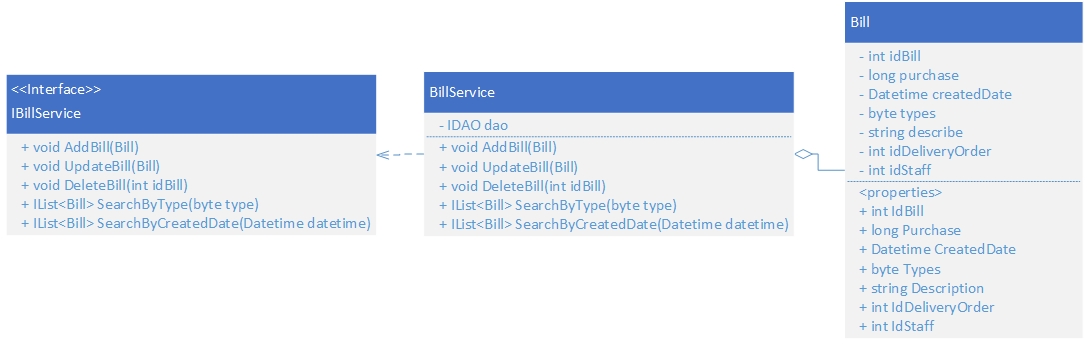
Mã số: **DCLS\_DetailedDeliveryOrder**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-33, CLS\_27



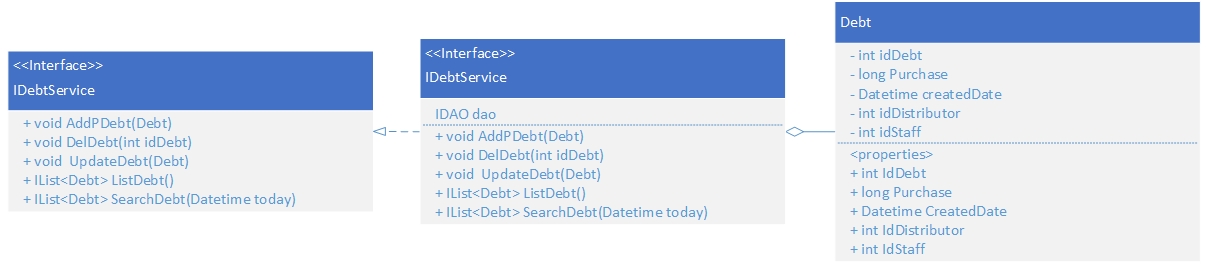
Mã số: **DCLS\_Bill**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-36, CSL\_26

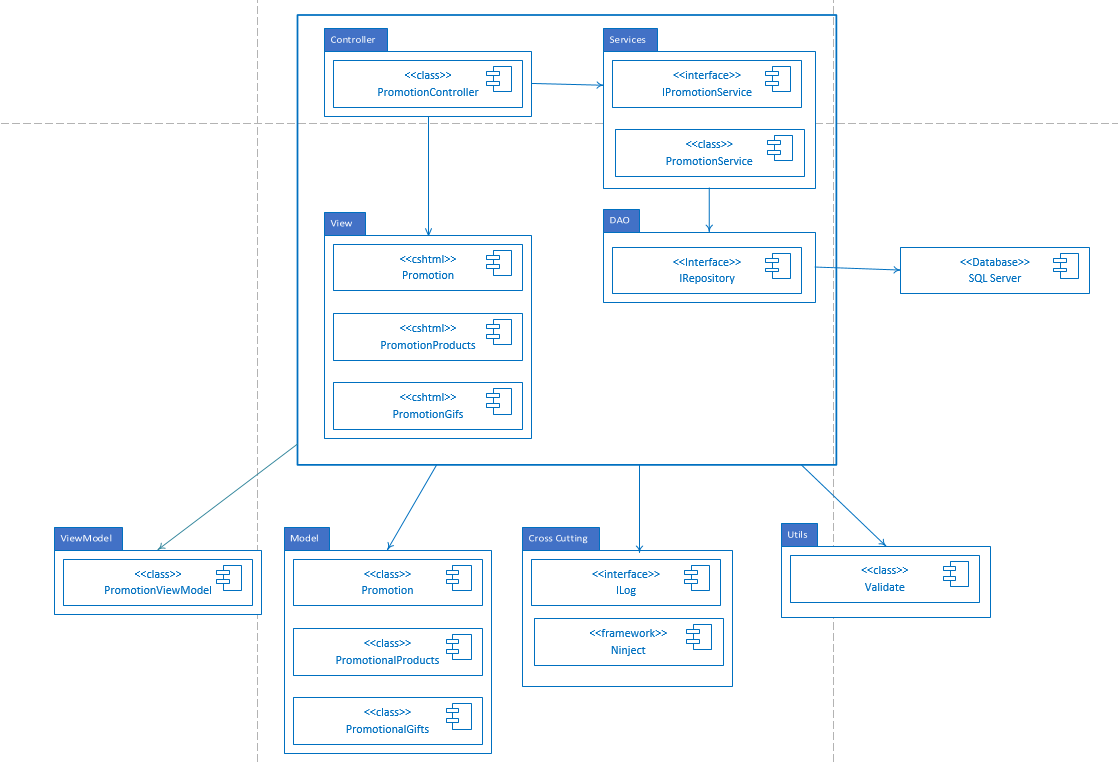


Mã số: **DCLS\_Debt**

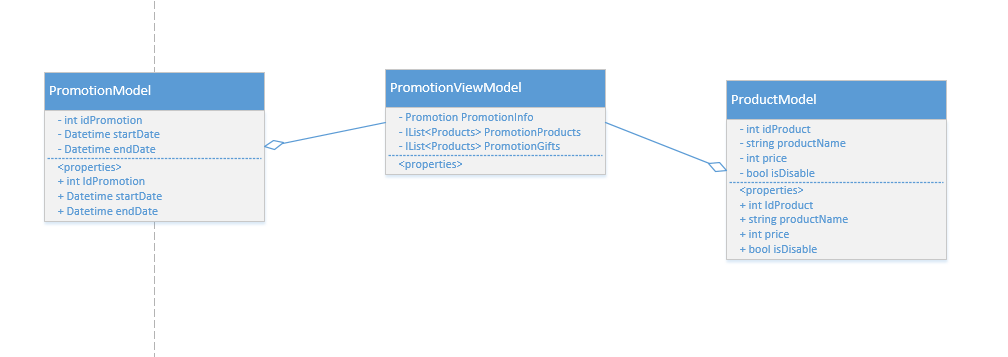
Tham chiếu: [FR-01] UCCN-37, CLS\_03



* 1. **Quản lý khuyến mãi**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



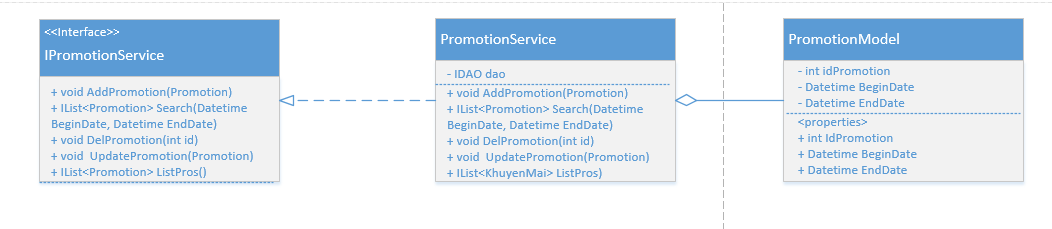
* + 1. ViewModel của View
* ViewModel chính là Model mà View đó nhận được sau khi xử lý từ Controller, có thể gồm nhiều Model con khác nhau.



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

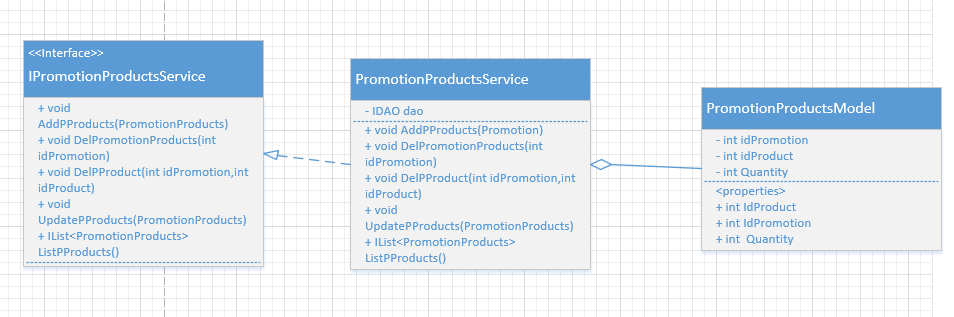
Mã số: **DCLS\_Promotion**

Tham chiếu: [FR-01] [UCCN-23] [UCCN-25] UCCN-26] [UCCN-27] [UCNV-28] [UCCN-29], CLS\_18, CLS\_19, CLS\_20.



Mã số: **DCLS\_PromotionProducts**

Tham chiếu: [FR-01] [UCCN-23] [UCCN-25] UCCN-26] [UCCN-27] [UCNV-28] [UCCN-29], CLS\_19.



Mã số: **DCLS\_PromotionGifts**

Tham chiếu: [FR-01] [UCCN-23] [UCCN-25] UCCN-26] [UCCN-27] [UCNV-28] [UCCN-29], CLS\_20.



* 1. **Quản lý Báo Cáo Doanh thu**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



* + 1. ViewModel của View
* ViewModel chính là Model mà View đó nhận được sau khi xử lý từ Controller, có thể gồm nhiều Model con khác nhau.
* SalesReportViewModel



* SalesReportDetailViewModel



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_SalesReport**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-30, UCCN-31, CLS\_28



Mã số: **DCLS\_SalesReportDetail**

Tham chiếu: [FR-01] [UCCN-23][UCCN-24] [UCCN-26] [UCCN-30] [R7], CLS\_29



* 1. Quản lí Phiếu Chi

Sơ đồ chi tiết

Mã số: **DCLS\_PaySlip**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-17, CLS\_12

